



CỤC THỦY SẢN VÀ KIỂM NGU  
TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM, KIỂM NGHIỆM,  
KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN

**GIẤY CHỨNG NHẬN**

Số: HQ.25.01933

**Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản chứng nhận:**

**Tên sản phẩm** : Bột gan mực (SQUID LIVER POWDER)  
**Số lượng/ khối lượng** : 4.320 bao/108.000 kg  
**Hãng, nước sản xuất** : Hyundai Special Feed Ind. Co., Ltd. (Korea)  
**Thuộc lô hàng nhập khẩu**  
Hợp đồng số : HYS20250217C ngày 17/02/2025  
Hóa đơn số : HSFP-250404B-VN ngày 04/4/2025  
Vận đơn số : HASLK02250301044  
Ngày sản xuất : 07-09/4/2025  
Giấy đăng ký kiểm tra chất lượng : 2561/HQ-GDK-TTKN ngày 17/4/2025  
(Mã hồ sơ: BNNPTNT29250034476)  
**Đơn vị được cấp** : **CÔNG TY CỔ PHẦN CHĂN NUÔI C.P. VN-CN SXKD THỨC ĂN THỦY SẢN**  
Địa chỉ: Lô A21-A35 KCN An Hiệp, xã Tường Đa, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre, Việt Nam  
**Phương thức đánh giá** : Phương thức 7 (theo Thông tư số: 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ)  
**Phù hợp quy chuẩn kỹ thuật** : QCVN 01-190:2020/BNNPTNT; sửa đổi 1-2021 QCVN 01-190:2020/BNNPTNT  
**Có giá trị đến ngày** : Hết hạn sử dụng sản phẩm

**Quyết định chứng nhận**

Số: 534 /QĐ-TTKN  
Ngày 14 tháng 5 năm 2025

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Hà Thanh Tùng**





CỤC THỦY SẢN VÀ KIỂM NGU  
TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM, KIỂM NGHIỆM,  
KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN

**GIẤY CHỨNG NHẬN**

**Số: HQ.25.01934**

**Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản chứng nhận:**

**Tên sản phẩm** : BỘT TÔM (QRILL™ Antarctic Krill Meal)  
**Số lượng/ khối lượng** : 220 bao/110.000 kg  
**Hãng, nước sản xuất** : The Qrill Company AS. (Norway)  
**Thuộc lô hàng nhập khẩu**  
Hợp đồng số : VN-BTP3S250004 ngày 12/02/2025  
Hóa đơn số : 1010884 ngày 03/3/2025  
Vận đơn số : 1064881863  
Ngày sản xuất : 22/7-10/8/2024  
Giấy đăng ký kiểm tra chất lượng : 1753/HQ-GDK-TTKN ngày 19/3/2025  
(Mã hồ sơ: BNNPTNT29250033514)  
**Đơn vị được cấp** : **CÔNG TY CỔ PHẦN CHĂN NUÔI C.P. VN-CN SXKD THỨC ĂN THỦY SẢN**  
Địa chỉ: Lô A21-A35 KCN An Hiệp, xã Tường Đa, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre, Việt Nam  
**Phương thức đánh giá** : Phương thức 7 (theo Thông tư số: 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ)  
**Phù hợp quy chuẩn kỹ thuật** : QCVN 01-190:2020/BNNPTNT; sửa đổi 1-2021 QCVN 01-190:2020/BNNPTNT  
**Có giá trị đến ngày** : Hết hạn sử dụng sản phẩm

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Quyết định chứng nhận**  
Số: 534 /QĐ-TTKN  
Ngày 14 tháng 5 năm 2025



**Tha Thanh Tùng**





CỤC THỦY SẢN VÀ KIỂM NGU'  
TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM, KIỂM NGHIỆM,  
KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN

**GIẤY CHỨNG NHẬN**

**Số: HQ.25.01935**

**Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản chứng nhận:**

**Tên sản phẩm** : BỘT TÔM (QRILL™ Antarctic Krill Meal)  
**Số lượng/ khối lượng** : 44 bao/22.000 kg  
**Hãng, nước sản xuất** : The Qrill Company AS. (Norway)  
**Thuộc lô hàng nhập khẩu**  
Hợp đồng số : VN-BTP3S250005 ngày 12/02/2025  
Hóa đơn số : 1010888 ngày 03/3/2025  
Vận đơn số : 1064964465  
Ngày sản xuất : 22/7-10/8/2024  
Giấy đăng ký kiểm tra : 1754/HQ-GDK-TTKN ngày 19/3/2025  
chất lượng (Mã hồ sơ: BNNPTNT29250033515)  
**Đơn vị được cấp** : CÔNG TY CỔ PHẦN CHĂN NUÔI C.P. VN-CN  
SXKD THỨC ĂN THỦY SẢN  
Địa chỉ: Lô A21-A35 KCN An Hiệp, xã Tường Đa,  
huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre, Việt Nam  
**Phương thức đánh giá** : Phương thức 7 (theo Thông tư số: 28/2012/TT-BKHCN  
ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ)  
**Phù hợp quy chuẩn kỹ thuật** : QCVN 01-190:2020/BNNPTNT; sửa đổi 1-2021 QCVN  
01-190:2020/BNNPTNT  
**Có giá trị đến ngày** : Hết hạn sử dụng sản phẩm

**Quyết định chứng nhận**

Số: 534 /QĐ-TTKN  
Ngày 14 tháng 5 năm 2025

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Hà Thanh Tùng**





CỤC THỦY SẢN VÀ KIỂM NGU'  
TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM, KIỂM NGHIỆM,  
KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN

**GIẤY CHỨNG NHẬN**

Số: HQ.25.01936

Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản chứng nhận:

**Tên sản phẩm** : Kem Wet Ow Liquid  
**Số lượng/ khối lượng** : 18 thùng/18.000 kg  
**Hãng, nước sản xuất** : Kemin Industries (Asia) Pte Ltd. (Singapore)  
**Thuộc lô hàng nhập khẩu**  
Hợp đồng số : VN-BTP2S250003 ngày 24/01/2025  
Hóa đơn số : AQA002530028 ngày 09/4/2025  
Vận đơn số : IRSINHCM2535963  
Ngày sản xuất : 28/3/2025, 08/4/2025  
Giấy đăng ký kiểm tra : 2699/HQ-GDK-TTKN ngày 23/4/2025  
chất lượng (Mã hồ sơ: BNNPTNT29250034598)  
**Đơn vị được cấp** : **CÔNG TY CỔ PHẦN CHĂN NUÔI C.P. VN-CN  
SXXD THỨC ĂN THỦY SẢN**  
Địa chỉ: Lô A21-A35 KCN An Hiệp, xã Tường Đa,  
huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre, Việt Nam  
**Phương thức đánh giá** : Phương thức 7 (theo Thông tư số: 28/2012/TT-BKHCN  
ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ)  
**Phù hợp quy chuẩn kỹ thuật** : QCVN 02-31-2:2019/BNNPTNT  
**Có giá trị đến ngày** : Hết hạn sử dụng sản phẩm

**Quyết định chứng nhận**

Số: 534 /QĐ-TTKN  
Ngày 14 tháng 5 năm 2025

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Hà Thanh Tùng**





CỤC THỦY SẢN VÀ KIỂM NGU  
TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM, KIỂM NGHIỆM,  
KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN

**GIẤY CHỨNG NHẬN**

Số: HQ.25.01937

Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản chứng nhận:

**Tên sản phẩm** : Kem Wet Ow Liquid  
**Số lượng/ khối lượng** : 18 thùng/18.000 kg  
**Hãng, nước sản xuất** : Kemin Industries (Asia) Pte Ltd. (Singapore)  
**Thuộc lô hàng nhập khẩu**  
Hợp đồng số : VN-BTP2S250008 ngày 07/02/2025  
Hóa đơn số : AQA002530029 ngày 09/4/2025  
Vận đơn số : IRSINHCM2535964  
Ngày sản xuất : 08/4/2025  
Giấy đăng ký kiểm tra chất lượng : 2700/HQ-GDK-TTKN ngày 23/4/2025  
(Mã hồ sơ: BNNPTNT29250034616)  
**Đơn vị được cấp** : **CÔNG TY CỔ PHẦN CHĂN NUÔI C.P. VN-CN SXKD THỨC ĂN THỦY SẢN**  
Địa chỉ: Lô A21-A35 KCN An Hiệp, xã Tường Đa, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre, Việt Nam  
**Phương thức đánh giá** : Phương thức 7 (theo Thông tư số: 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ)  
**Phù hợp quy chuẩn kỹ thuật** : QCVN 02-31-2:2019/BNNPTNT  
**Có giá trị đến ngày** : Hết hạn sử dụng sản phẩm

**Quyết định chứng nhận**

Số: 534 /QĐ-TTKN  
Ngày 14 tháng 5 năm 2025

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



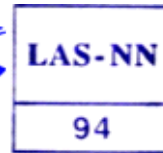
**Hà Thanh Tùng**





TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,  
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN  
**TRUNG TÂM VÙNG I**

ĐC/Addr: số 9 Nguyễn Văn Cừ, P. An Bình, Q. Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ  
ĐT/Phone: 024 3724 6077 (nhánh số 6) hoặc 092 327 9799  
Email: 3k.trungtamvung1@gmail.com



**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**ANALYTICAL REPORT**  
Số/No.: 4819/2025/TTVI-KN

Tên khách hàng/Customer name <sup>(1)</sup> : Nguyễn Minh Hoàng  
Địa chỉ/Address <sup>(1)</sup> : Số 9, đường Nguyễn Văn Cừ (nối dài), phường An Bình, quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ  
Người gửi mẫu/Delivered by <sup>(1)</sup> : Nguyễn Minh Hoàng  
Mô tả mẫu/Sample description <sup>(1)</sup> : Nguyên liệu sản xuất thức ăn thủy sản  
Mã số mẫu/Sample code : 13792505235  
Ngày nhận mẫu/Receiving date : 10/05/2025  
Ngày phân tích/Analysing date : 10/05/2025

| Tên mẫu/<br>Sample name <sup>(1)</sup>                                  | Chỉ tiêu/<br>Parameters <sup>(1)</sup> | ĐVT/<br>Unit        | Kết quả/<br>Result | Phương pháp thử/<br>Test method |
|-------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|---------------------|--------------------|---------------------------------|
| BỘT TÔM<br>(QRILL™ Antarctic<br>Krill Meal)<br>(BNNPTNT2925003<br>3514) | Asen (As) tổng số                      | mg/kg<br>(LOQ=0,15) | <0,15              | TCVN 9588:2013                  |
|                                                                         | Chì (Pb)                               | mg/kg<br>(LOQ=0,6)  | <0,6               | TCVN 9588:2013                  |
|                                                                         | Cadimi (Cd)                            | mg/kg<br>(LOQ=0,15) | 0,24               | TCVN 9588:2013                  |
|                                                                         | Thủy ngân (Hg) (**)                    | mg/kg<br>(LOQ=0,05) | KPH                | EN 16277:2012                   |
|                                                                         | Ethoxyquin (*)                         | mg/kg<br>(LOQ=0,1)  | KPH                | AOAC 996.13                     |
|                                                                         | Escherichia coli (*)(**)               | CFU/g               | <10                | TCVN 7924-2:2008                |
|                                                                         | Salmonella spp. (*)(**)                | /25g                | KPH                | TCVN 10780-1:2017               |

Cần Thơ, ngày/date: 13/05/2025

**GIÁM ĐỐC/DIRECTOR**



Nguyễn Đình Xuân Quý

**Ghi chú/ Note:**

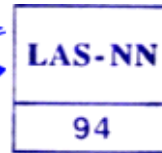
- Tất cả các chỉ tiêu đã được chứng nhận hoạt động bởi Bộ chủ quản/All parameters have been certified to operate by the specialized Ministry.
- (\*) Chỉ tiêu đã được công nhận ISO/IEC 17025/ Parameters have been accredited by ISO/IEC 17025.
- (\*\*) Chỉ tiêu được Bộ chuyên ngành chỉ định/ Parameters have been designated by the specialized Ministry.
- (#) Kết quả phân tích do nhà thầu phụ thực hiện/ Analysis results performed by subcontractors.
- KPH/ND: Không phát hiện/ Not detected; PH: phát hiện/detected.
- LOQ: Giới hạn định lượng/Limit of Quantitation. LOD: Giới hạn phát hiện/ Limit of Detection. MDL: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/Method Detection Limit.
- <sup>(1)</sup> Thông tin do khách hàng cung cấp hoặc yêu cầu/ Information provided or requested by the customer.
- Không được sao chép một phần hay toàn bộ kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám đốc Trung tâm Vùng I/ This above result shall not reproduced, party or fully, unless written approval of Director of ASTAC I.
- Khiếu nại kết quả chỉ giải quyết trong thời gian lưu mẫu/Complaints about results will only be resolved during the sample retention period.
- Kết quả phân tích trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm/ The analysis results in this sheet are only valid on the test sample.





TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,  
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN  
**TRUNG TÂM VÙNG I**

ĐC/Addr: số 9 Nguyễn Văn Cừ, P. An Bình, Q. Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ  
ĐT/Phone: 024 3724 6077 (nhánh số 6) hoặc 092 327 9799  
Email: 3k.trungtamvung1@gmail.com



**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**ANALYTICAL REPORT**  
Số/No.: 4815/2025/TTVI-KN

Tên khách hàng/Customer name <sup>(1)</sup> : Nguyễn Minh Hoàng  
Địa chỉ/Address <sup>(1)</sup> : Số 9, đường Nguyễn Văn Cừ (nối dài), phường An Bình, quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ  
Người gửi mẫu/Delivered by <sup>(1)</sup> : Nguyễn Minh Hoàng  
Mô tả mẫu/Sample description <sup>(1)</sup> : Thức ăn bổ sung dùng trong nuôi trồng thủy sản  
Mã số mẫu/Sample code : 13792505231  
Ngày nhận mẫu/Receiving date : 10/05/2025  
Ngày phân tích/Analysing date : 10/05/2025

| Tên mẫu/<br>Sample name <sup>(1)</sup>        | Chỉ tiêu/<br>Parameters <sup>(1)</sup> | ĐVT/<br>Unit        | Kết quả/<br>Result | Phương pháp thử/<br>Test method |
|-----------------------------------------------|----------------------------------------|---------------------|--------------------|---------------------------------|
| Kem Wet Ow Liquid<br>(BNNPTNT2925003<br>4616) | Asen (As) vô cơ (**)                   | mg/kg<br>(LOQ=0,9)  | KPH                | EN 16278:2012                   |
|                                               | Chì (Pb)                               | mg/kg<br>(LOQ=0,6)  | <0,6               | TCVN 9588:2013                  |
|                                               | Thủy ngân (Hg) (**)                    | mg/kg<br>(LOQ=0,05) | KPH                | EN 16277:2012                   |
|                                               | Escherichia coli (*)(**)               | CFU/g               | <10                | TCVN 7924-2:2008                |
|                                               | Salmonella spp. (*)(**)                | /25g                | KPH                | TCVN 10780-1:2017               |

Cần Thơ, ngày/date: 13/05/2025

**GIÁM ĐỐC/DIRECTOR**



Nguyễn Đình Xuân Quý

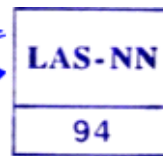
**Ghi chú/ Note:**

- Tất cả các chỉ tiêu đã được chứng nhận hoạt động bởi Bộ chủ quản/All parameters have been certified to operate by the specialized Ministry.
- (\*) Chỉ tiêu đã được công nhận ISO/IEC 17025/ Parameters have been accredited by ISO/IEC 17025.
- (\*\*) Chỉ tiêu được Bộ chuyên ngành chỉ định/ Parameters have been designated by the specialized Ministry.
- (#) Kết quả phân tích do nhà thầu phụ thực hiện/ Analysis results performed by subcontractors.
- KPH/ND: Không phát hiện/ Not detected; PH: phát hiện/detected.
- LOQ: Giới hạn định lượng/Limit of Quantitation. LOD: Giới hạn phát hiện/ Limit of Detection. MDL: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/Method Detection Limit.
- <sup>(1)</sup> Thông tin do khách hàng cung cấp hoặc yêu cầu/ Information provided or requested by the customer.
- Không được sao chép một phần hay toàn bộ kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám đốc Trung tâm Vùng I/ This above result shall not reproduced, party or fully, unless written approval of Director of ASTAC I.
- Khiếu nại kết quả chỉ giải quyết trong thời gian lưu mẫu/Complaints about results will only be resolved during the sample retention period.
- Kết quả phân tích trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm/ The analysis results in this sheet are only valid on the test sample.



TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,  
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN  
**TRUNG TÂM VÙNG I**

ĐC/Addr: số 9 Nguyễn Văn Cừ, P. An Bình, Q. Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ  
ĐT/Phone: 024 3724 6077 (nhánh số 6) hoặc 092 327 9799  
Email: 3k.trungtamvung1@gmail.com



**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**ANALYTICAL REPORT**  
Số/No.: 4817/2025/TTVI-KN

Tên khách hàng/Customer name <sup>(1)</sup> : Nguyễn Minh Hoàng  
Địa chỉ/Address <sup>(1)</sup> : Số 9, đường Nguyễn Văn Cừ (nối dài), phường An Bình, quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ  
Người gửi mẫu/Delivered by <sup>(1)</sup> : Nguyễn Minh Hoàng  
Mô tả mẫu/Sample description <sup>(1)</sup> : Nguyên liệu sản xuất thức ăn thủy sản  
Mã số mẫu/Sample code : 13792505233  
Ngày nhận mẫu/Receiving date : 10/05/2025  
Ngày phân tích/Analysing date : 10/05/2025

| Tên mẫu/<br>Sample name <sup>(1)</sup>                             | Chỉ tiêu/<br>Parameters <sup>(1)</sup> | ĐVT/<br>Unit        | Kết quả/<br>Result | Phương pháp thử/<br>Test method |
|--------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|---------------------|--------------------|---------------------------------|
| BỘT GAN MỰC<br>(SQUID LIVER<br>POWDER)<br>(BNNPTNT2925003<br>4476) | Asen (As) tổng số                      | mg/kg<br>(LOQ=0,15) | 0,30               | TCVN 9588:2013                  |
|                                                                    | Chì (Pb)                               | mg/kg<br>(LOQ=0,6)  | KPH                | TCVN 9588:2013                  |
|                                                                    | Cadimi (Cd)                            | mg/kg<br>(LOQ=0,15) | 1,10               | TCVN 9588:2013                  |
|                                                                    | Thủy ngân (Hg) (**)                    | mg/kg<br>(LOQ=0,05) | <0,05              | EN 16277:2012                   |
|                                                                    | Ethoxyquin (*)                         | mg/kg<br>(LOQ=0,1)  | KPH                | AOAC 996.13                     |
|                                                                    | Escherichia coli (*)(**)               | CFU/g               | <10                | TCVN 7924-2:2008                |
|                                                                    | Salmonella spp. (*)(**)                | /25g                | KPH                | TCVN 10780-1:2017               |

Cần Thơ, ngày/date: 13/05/2025

**GIÁM ĐỐC/DIRECTOR**



Nguyễn Đình Xuân Quý

**Ghi chú/ Note:**

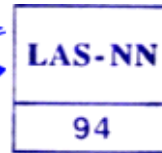
- Tất cả các chỉ tiêu đã được chứng nhận hoạt động bởi Bộ chủ quản/All parameters have been certified to operate by the specialized Ministry.
- (\*) Chỉ tiêu đã được công nhận ISO/IEC 17025/ Parameters have been accredited by ISO/IEC 17025.
- (\*\*) Chỉ tiêu được Bộ chuyên ngành chỉ định/ Parameters have been designated by the specialized Ministry.
- (#) Kết quả phân tích do nhà thầu phụ thực hiện/ Analysis results performed by subcontractors.
- KPH/ND: Không phát hiện/ Not detected; PH: phát hiện/detected.
- LOQ: Giới hạn định lượng/Limit of Quantitation. LOD: Giới hạn phát hiện/ Limit of Detection. MDL: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/Method Detection Limit.
- <sup>(1)</sup> Thông tin do khách hàng cung cấp hoặc yêu cầu/ Information provided or requested by the customer.
- Không được sao chép một phần hay toàn bộ kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám đốc Trung tâm Vùng I/ This above result shall not reproduced, party or fully, unless written approval of Director of ASTAC I.
- Khiếu nại kết quả chỉ giải quyết trong thời gian lưu mẫu/Complaints about results will only be resolved during the sample retention period.
- Kết quả phân tích trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm/ The analysis results in this sheet are only valid on the test sample.





TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,  
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN  
**TRUNG TÂM VÙNG I**

ĐC/Addr: số 9 Nguyễn Văn Cừ, P. An Bình, Q. Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ  
ĐT/Phone: 024 3724 6077 (nhánh số 6) hoặc 092 327 9799  
Email: 3k.trungtamvung1@gmail.com



**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**ANALYTICAL REPORT**  
Số/No.: 4816/2025/TTVI-KN

Tên khách hàng/Customer name <sup>(1)</sup> : Nguyễn Minh Hoàng  
Địa chỉ/Address <sup>(1)</sup> : Số 9, đường Nguyễn Văn Cừ (nối dài), phường An Bình, quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ  
Người gửi mẫu/Delivered by <sup>(1)</sup> : Nguyễn Minh Hoàng  
Mô tả mẫu/Sample description <sup>(1)</sup> : Thức ăn bổ sung dùng trong nuôi trồng thủy sản  
Mã số mẫu/Sample code : 13792505232  
Ngày nhận mẫu/Receiving date : 10/05/2025  
Ngày phân tích/Analysing date : 10/05/2025

| Tên mẫu/<br>Sample name <sup>(1)</sup>        | Chỉ tiêu/<br>Parameters <sup>(1)</sup> | ĐVT/<br>Unit        | Kết quả/<br>Result | Phương pháp thử/<br>Test method |
|-----------------------------------------------|----------------------------------------|---------------------|--------------------|---------------------------------|
| Kem Wet Ow Liquid<br>(BNNPTNT2925003<br>4598) | Asen (As) vô cơ (**)                   | mg/kg<br>(LOQ=0,9)  | KPH                | EN 16278:2012                   |
|                                               | Chì (Pb)                               | mg/kg<br>(LOQ=0,6)  | <0,6               | TCVN 9588:2013                  |
|                                               | Thủy ngân (Hg) (**)                    | mg/kg<br>(LOQ=0,05) | <0,05              | EN 16277:2012                   |
|                                               | Escherichia coli (*)(**)               | CFU/g               | <10                | TCVN 7924-2:2008                |
|                                               | Salmonella spp. (*)(**)                | /25g                | KPH                | TCVN 10780-1:2017               |

Cần Thơ, ngày/date: 13/05/2025

**GIÁM ĐỐC/DIRECTOR**



Nguyễn Đình Xuân Quý

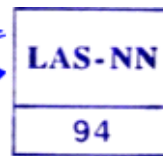
**Ghi chú/ Note:**

- Tất cả các chỉ tiêu đã được chứng nhận hoạt động bởi Bộ chủ quản/All parameters have been certified to operate by the specialized Ministry.
- (\*) Chỉ tiêu đã được công nhận ISO/IEC 17025/ Parameters have been accredited by ISO/IEC 17025.
- (\*\*) Chỉ tiêu được Bộ chuyên ngành chỉ định/ Parameters have been designated by the specialized Ministry.
- (#) Kết quả phân tích do nhà thầu phụ thực hiện/ Analysis results performed by subcontractors.
- KPH/ND: Không phát hiện/ Not detected; PH: phát hiện/detected.
- LOQ: Giới hạn định lượng/Limit of Quantitation. LOD: Giới hạn phát hiện/ Limit of Detection. MDL: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/Method Detection Limit.
- <sup>(1)</sup> Thông tin do khách hàng cung cấp hoặc yêu cầu/ Information provided or requested by the customer.
- Không được sao chép một phần hay toàn bộ kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám đốc Trung tâm Vùng I/ This above result shall not reproduced, party or fully, unless written approval of Director of ASTAC I.
- Khiếu nại kết quả chỉ giải quyết trong thời gian lưu mẫu/Complaints about results will only be resolved during the sample retention period.
- Kết quả phân tích trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm/ The analysis results in this sheet are only valid on the test sample.



TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,  
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN  
**TRUNG TÂM VÙNG I**

ĐC/Addr: số 9 Nguyễn Văn Cừ, P. An Bình, Q. Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ  
ĐT/Phone: 024 3724 6077 (nhánh số 6) hoặc 092 327 9799  
Email: 3k.trungtamvung1@gmail.com



**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**ANALYTICAL REPORT**  
Số/No.: 4818/2025/TTVI-KN

Tên khách hàng/Customer name <sup>(1)</sup> : Nguyễn Minh Hoàng  
Địa chỉ/Address <sup>(1)</sup> : Số 9, đường Nguyễn Văn Cừ (nối dài), phường An Bình, quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ  
Người gửi mẫu/Delivered by <sup>(1)</sup> : Nguyễn Minh Hoàng  
Mô tả mẫu/Sample description <sup>(1)</sup> : Nguyên liệu sản xuất thức ăn thủy sản  
Mã số mẫu/Sample code : 13792505234  
Ngày nhận mẫu/Receiving date : 10/05/2025  
Ngày phân tích/Analysing date : 10/05/2025

| Tên mẫu/<br>Sample name <sup>(1)</sup>                                  | Chỉ tiêu/<br>Parameters <sup>(1)</sup> | ĐVT/<br>Unit        | Kết quả/<br>Result | Phương pháp thử/<br>Test method |
|-------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|---------------------|--------------------|---------------------------------|
| BỘT TÔM<br>(QRILL™ Antarctic<br>Krill Meal)<br>(BNNPTNT2925003<br>3515) | Asen (As) tổng số                      | mg/kg<br>(LOQ=0,15) | <0,15              | TCVN 9588:2013                  |
|                                                                         | Chì (Pb)                               | mg/kg<br>(LOQ=0,6)  | KPH                | TCVN 9588:2013                  |
|                                                                         | Cadimi (Cd)                            | mg/kg<br>(LOQ=0,15) | 0,26               | TCVN 9588:2013                  |
|                                                                         | Thủy ngân (Hg) (**)                    | mg/kg<br>(LOQ=0,05) | KPH                | EN 16277:2012                   |
|                                                                         | Ethoxyquin (*)                         | mg/kg<br>(LOQ=0,1)  | KPH                | AOAC 996.13                     |
|                                                                         | Escherichia coli (*)(**)               | CFU/g               | <10                | TCVN 7924-2:2008                |
|                                                                         | Salmonella spp. (*)(**)                | /25g                | KPH                | TCVN 10780-1:2017               |

Cần Thơ, ngày/date: 13/05/2025

**GIÁM ĐỐC/DIRECTOR**



Nguyễn Đình Xuân Quý

**Ghi chú/ Note:**

- Tất cả các chỉ tiêu đã được chứng nhận hoạt động bởi Bộ chủ quản/All parameters have been certified to operate by the specialized Ministry.
- (\*) Chỉ tiêu đã được công nhận ISO/IEC 17025/ Parameters have been accredited by ISO/IEC 17025.
- (\*\*) Chỉ tiêu được Bộ chuyên ngành chỉ định/ Parameters have been designated by the specialized Ministry.
- (#) Kết quả phân tích do nhà thầu phụ thực hiện/ Analysis results performed by subcontractors.
- KPH/ND: Không phát hiện/ Not detected; PH: phát hiện/detected.
- LOQ: Giới hạn định lượng/Limit of Quantitation. LOD: Giới hạn phát hiện/ Limit of Detection. MDL: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/Method Detection Limit.
- <sup>(1)</sup> Thông tin do khách hàng cung cấp hoặc yêu cầu/ Information provided or requested by the customer.
- Không được sao chép một phần hay toàn bộ kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám đốc Trung tâm Vùng I/ This above result shall not reproduced, party or fully, unless written approval of Director of ASTAC I.
- Khiếu nại kết quả chỉ giải quyết trong thời gian lưu mẫu/Complaints about results will only be resolved during the sample retention period.
- Kết quả phân tích trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm/ The analysis results in this sheet are only valid on the test sample.